

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK MIL  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-ST

Ngày 11 - 4 - 2024

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Tịnh và bà Hoàng Thị Thanh.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Huệ - Là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2024 và ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 204/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Trần Danh T và bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện M, tỉnh Đắc Nông, có mặt.

*Bị đơn:* Ông Trần Hữu H và bà **Phan Thị H1**, địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện M, tỉnh Đắc Nông, vắng mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* **Công ty TNHH MTV A**; địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện M, tỉnh Đắc Nông; người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hữu H; Chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Danh T và bà Nguyễn Thị V trình bày:*

Trong quá trình kinh doanh ông Trần Hữu H và vợ là Phan Thị H1 đã thế chấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại ngân hàng TMCP A1 - Chi nhánh tỉnh Đ để vay tiền (Bên vay là Công ty TNHH MTV A do ông Trần Hữu H làm giám đốc). Do Công ty TNHH MTV A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ đã vay và được Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Sau khi bị thi hành án kê biên những tài sản thế chấp tại ngân hàng thì ông H, bà H đề nghị ông T, bà V trả nợ vào ngân hàng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra, nộp án phí dân sự sơ thẩm, sau đó ông H, bà H sẽ làm thủ tục chuyển nhượng toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên cho ông T, bà V. Vì ông H là anh ruột của ông T nên tin tưởng, vợ chồng ông T chỉ thống nhất bằng miệng với vợ chồng ông H chứ không lập giấy tờ. Ngày 16/5/2022 vợ chồng ông T liên hệ với Chi cục thi hành án dân sự huyện M nộp thay số tiền án phí cho ông H, bà H là 61.097.835 đồng; ngày 15/4/2022 liên hệ với ngân hàng TMCP A1 - Chi nhánh tỉnh Đ để trả số tiền 1.637.290.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng ông T đã thay mặt vợ chồng ông H thanh toán nghĩa vụ với số tiền 1.698.387.835 đồng. Sau khi thanh toán xong nợ, ông H, bà H lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về đưa ông T đi làm thủ tục xóa thế chấp và hẹn cùng ngày 17/5/2022 sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T, bà V tại văn phòng công chứng. Tuy nhiên sau đó ông H, bà H né tránh, không thực hiện thỏa thuận với ông T, bà V. Do đó ông T, bà V1 cầu ông H, bà H trả lại 1.698.387.835 đồng. Ông T, bà V2 yêu cầu thanh toán lãi. Đối với 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà H hiện nay ông T1 đang giữ, ông T1 cam kết sẽ trả lại cho ông H2 khi có yêu cầu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:*

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là không chính xác vì ông T, bà V3 cho ông H, bà H vay tiền mà chỉ thay ông H, bà H trả nợ cho Công ty TNHH MTV A2 tại ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Đ. Do đó đề nghị HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là “*Thực hiện công việc không có ủy quyền*” theo Điều 574 của Bộ luật dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 574, Điều 576 của Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Danh T và bà Nguyễn Thị V. Buộc ông Trần Hữu H và bà Phan Thị H1 phải thanh toán cho ông Trần Danh T và bà Nguyễn Thị V số tiền 1.698.387.835 đồng;

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả tiền lãi của ông T, bà V4 đã rút yêu cầu khởi kiện.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

### [1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ông Trần Danh T và bà Nguyễn Thị V khởi kiện ông Trần Hữu H và bà Phan Thị H1 yêu cầu trả lại số tiền mà ông T, bà V5 thay mặt ông H, bà H trả nợ cho ông H, bà H tại ngân hàng TMCP Á - Chi nhánh Đ và nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đề nghị xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Thực hiện công việc không có ủy quyền” là không chính xác bởi lẽ nếu không có yêu cầu “Ủy quyền” của ông H, bà H thì ông T, bà V3 tự ý đi trả nợ và đóng án phí thay được. Ông H, bà H buộc phải biết việc ông T1 thực hiện nghĩa vụ thay nhưng không có ý kiến phản đối gì. Sau khi trả nợ xong ông H, bà H phải ký hồ sơ tất toán mới rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đã thế chấp về giao cho ông T, bà V6. Do đó bản chất là ông T, bà V7 ông H2 bà H3 vay tiền để trả nợ và thực hiện nghĩa vụ nộp án phí cho Công ty TNHH MTV A2 do ông H2 làm giám đốc. Nhưng ông T1 muốn chắc chắn nên mới tự mình nộp tiền vào ngân hàng và nộp án phí thay cho ông H2. Do đó, HĐXX xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn trú tại Thôn P, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông, vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Trần Hữu H, bà Phan Thị H1 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, do đó HĐXX xét xử vắng mặt ông H, bà H là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Về quyền khởi kiện: Đây là hợp đồng vay tiền có điều kiện. Các bên không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả mà thỏa thuận điều kiện cho vay là để ông H, bà H làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất đang thế chấp tại ngân hàng Á chi nhánh Đắk Lắk cho ông T, bà V8 khi rút bìa đỏ về, số tiền cho vay sẽ được trừ vào tiền chuyển nhượng đất. Khi ông T1 bà V9 làm thủ tục xóa thế chấp xong (Ngày 17/5/2022), đủ điều kiện để ký hợp đồng chuyển nhượng thì ông H, bà H thay đổi, không đồng ý ký hợp đồng chuyển. Như vậy ông H2 bà H3 đã vi phạm điều kiện cho vay của hợp đồng nên

ông T, bà V10 điều kiện khởi kiện ông H, bà H ngay sau ngày khi xóa thế chấp tài sản theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của nguyên đơn, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Bản làm việc ngày 15/4/2022 tại ngân hàng TMCP Á, chi nhánh Đ của ông Trần Danh T; 02 giấy nộp tiền tại TMCP Á, chi nhánh Đ; 01 biên lai thu tiền phí, lệ phí thể hiện: Ông Trần Danh T và bà Nguyễn Thị V cho vợ chồng ông Trần Hữu H và bà Phan Thị H1 vay tổng số tiền 1.698.387.835 đồng, cụ thể ngày 15/4/2022 ông T1 thay ông H2 trả nợ tại ngân hàng TMCP Á số tiền 50.000.000 đồng; ngày 11/5/2022 ông T1 thay ông H2 trả nợ tại ngân hàng TMCP Á chi nhánh Đ số tiền 1.432.504.000 đồng và 154.786.000 đồng; ngày 16/5/2022 ông T1 thay ông H2 nộp tiền án phí số tiền 61.097.835 đồng. Các bên không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả mà thỏa thuận điều kiện cho vay là để ông H, bà H làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất đang thế chấp tại ngân hàng Á chi nhánh Đắc Lắc cho ông T, bà V8 khi rút bìa đỏ về và xóa thế chấp. Khi ông T1 bà V9 làm thủ tục xóa thế chấp xong vào ngày 17/5/2022, đủ điều kiện để chuyển nhượng đất thì ông H, bà H thay đổi, không đồng ý ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T1, bà V9. Như vậy, ông H2 bà H3 vi phạm điều kiện cho vay của hợp đồng nên ông T, bà V11 kiện yêu cầu ông H, bà H trả lại số tiền đã vay 1.698.387.835 đồng sau khi vi phạm nghĩa vụ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 351, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Khoản 1 Điều 351 của BLDS: “*Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ*”.

Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

Khoản 1 Điều 466 của BLDS quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

[3]. Về việc yêu cầu trả lãi: Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc trả nợ lãi. Xét việc rút yêu cầu trả lãi của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận đình chỉ đối với yêu cầu đã rút.

[4]. Xét nghĩa vụ trả nợ của ông H, bà H đối với ông T1, bà V9: Mặc dù ông T1 nộp tiền trả nợ và thực hiện nghĩa vụ án phí cho Công ty TNHH MTV A2 do ông H2 làm giám đốc nhưng ông T1 và V9 cho ông H, bà H vay tiền nhằm mục đích để trả nợ cho công ty A2 Q để ông H, bà H ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông T1, bà H2 chứ không phải cho Công ty TNHH MTV A2 Q vay, điều này

phù hợp với tình tiết hiện nay ông T, bà V12 giữ 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà H4 Do đó HĐXX cần chấp nhận buộc ông H, bà H trả nợ cho ông T1, bà V9.

[5] Đối với việc ông T, bà V12 giữ 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà H thì ông H, bà H được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án dân sự khác.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 62.951.635 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên ông H, bà H phải nộp toàn bộ số tiền án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; ông T, bà V13 trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị về nội dung của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 159, Điều 160, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Danh T và bà Nguyễn Thị V.

1.1 Buộc ông Trần Hữu H và bà Phan Thị H1 phải trả cho ông Trần Danh T và bà Nguyễn Thị V số tiền 1.698.387.835 đồng (*Một tỷ, sáu trăm chín tám triệu, ba trăm tám bảy nghìn, tám trăm ba lăm đồng*)

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

1.2 Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Trần Danh T và bà Nguyễn Thị V về việc buộc ông Trần Hữu H và bà Phan Thị H1 trả tiền lãi từ 17/5/2022 đến ngày xét xử với mức lãi suất 0.83%/tháng.

2. Về án phí: Ông Trần Hữu H và bà Phan Thị H1 phải chịu 62.951.635 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Trần Danh T và bà Nguyễn Thị V số tiền 31.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001660 ngày 17 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02 bản);
  
- CCTHDS huyện Đắk Mil;
  
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thị Trúc Linh**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA